

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/202/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2022/TB-TA ngày 01/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đới Xuân H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn C xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1979

Nơi ĐKNKTT: Thôn C xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Số 4, đường L, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị N1 (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2021, bản tự khai ngày 30/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đới Xuân H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2006 tại UBND xã Phúc Đ, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại huyện N2 khoảng 3 năm, sau đó về ở tại huyện N, năm 2017 thì vào thị xã A, tỉnh Bình Dương sinh sống và làm ăn, đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy

ra cãi nhau. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc nên anh về quê sinh sống còn chị N1 và hai con ở lại miền Nam làm ăn. Anh chị sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị N1.

Về con chung: Anh và chị N1 có 2 con chung là Đới Xuân H1, sinh ngày 06/6/1998 (đã thành niên) và Đới Xuân H2, sinh ngày 30/4/2007 đang ở với chị N1. Nguyên vọng của anh khi ly hôn xin được giao cháu Đới Xuân H2 cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về phía chị Nguyễn Thị N1:* Quá trình giải quyết vụ án, anh Đới Xuân H cung cấp địa chỉ của chị N1 đang ở thành phố A, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, ngày 08/11/2021 TAND huyện Nông Cống đã Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND thành phố Dĩ An tổng đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai của chị N1 và thu thập ý kiến của cháu Đới Xuân H2.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương chị Nguyễn Thị N1 trình bày: Chị và anh Đới Xuân H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10 tháng 10 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại huyện N khoảng 3 năm sau đó về ở tại huyện N, năm 2017 thì vào thị xã A, tỉnh Bình Dương sinh sống và làm ăn. Tháng 4/2019 chị phát hiện anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H bỏ về quê sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị vẫn còn tình cảm với anh H, nhưng anh H vẫn không thay đổi tính cách, nên anh H xin ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung như anh H trình bày là đúng. Hiện nay 2 con đang ở với chị. Cháu đầu đã thành niên, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu Đới Xuân H2 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được 03 thửa đất như sau: 01 thửa đất có diện tích 200m² tại xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất này anh H đã bán năm 2019 với giá 600.000.000đ, anh đã sử dụng hết số tiền này, không đưa cho chị N1 đồng nào. 02 thửa đất còn lại gồm: 01 thửa đất diện tích 200m² tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; trên thửa đất này có 01 ngôi nhà diện tích khoảng 50m² và 01 thửa đất diện tích 200m² tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn chị N1 yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hai phần đất này. Chị sẽ làm đơn yêu cầu chia tài sản gửi cho Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa khi được Tòa án triệu tập về làm việc.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống tiếp tục ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An về việc thu thập tài liệu thể hiện nguyện vọng của con chưa thành niên và tổng đạt giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị N1 để về Tòa án nhân dân huyện Nông Cống thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung của vợ

chồng. Ngày 28/02/2022 TAND huyện Nông Cống nhận được văn bản trả lời ủy thác của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương, nội dung thông báo chị N1 đã về quê và trực tiếp liên hệ với TAND huyện Nông Cống để giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thông báo cho chị N1 về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung của vợ chồng nhưng chị N1 không thực hiện các thủ tục đối với yêu cầu giải quyết về tài sản theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ, đồng thời ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 07/2022/QĐ-UTTA cho TAND thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương để tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị N1. Chị N1 đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 31/3/2022 TAND huyện Nông Cống mở phiên tòa nhưng chị N1 vắng mặt lần thứ nhất nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và thực hiện việc ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng cho chị N1 theo quy định của pháp luật. Ngày 01/4/2022 TAND huyện Nông Cống ra thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 ngày 14/4/2022 tại trụ sở TAND huyện Nông Cống. Chị N1 đã nhận được thông báo của tòa án nhưng không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày đề nghị Tòa án giải quyết về hôn nhân và con chung còn về tài sản và nợ chung khi nào chị N1 về nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì đề nghị tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự là anh H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với chị N1 chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị N1 vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đới Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị N1.

Về con chung: Cháu Đới Xuân H1 đã thành niên, cháu Đới Xuân H2 đang ở với chị N1. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đới Xuân H2 cho chị N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ, về tài sản và nợ chung khi nào đương sự có yêu cầu và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật, về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N1 có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên việc anh Đới Xuân H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị N1, tuy nhiên chị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị N1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Đới Xuân H và chị Nguyễn Thị N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống đã chấm dứt. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị N1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Anh H và chị N1 có 02 con chung là Đới Xuân H1, sinh ngày 06/6/1998 (đã thành niên) và Đới Xuân H2, sinh ngày 30/4/2007 đang ở với chị N1 nay ly hôn giao cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng Đới Xuân H2, anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Về mức cấp dưỡng ghi nhận ý kiến thống nhất của anh H và chị N1. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022 đến khi con thành niên.

- Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N1 đã được Tòa án thông báo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nhưng trong thời hạn quy định chị N1 không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án coi như chị N không thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nên HĐXX không có cơ sở miễn xét. Vì vậy, Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác về chia tài sản và nợ chung cho đương sự khi có yêu cầu.

- Về án phí: Anh Đới Xuân H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn anh Đới Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị N1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Đới Xuân H2, sinh ngày 30/4/2007. Anh Đới Xuân H cấp dưỡng nuôi con hằng tháng 3.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2022 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Đới Xuân H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác về yêu cầu chia tài sản và nợ chung cho đương sự khi có yêu cầu và thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Đới Xuân H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0006722 ngày 26/10/2021 của Chi cục THADS Nông Công. Anh Đới Xuân H còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt anh H, vắng mặt chị N1 Anh H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Công;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Công;
- UBND xã Phúc Đường, Như Thanh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình